

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2013**



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 28



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Xuân Mô	Chủ tịch (miễn nhiệm và giữ chức vụ Ủy viên ngày 01 tháng 7 năm 2013)
Ông Đỗ Văn Cường	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2013)
Ông Phạm Chu Tứ	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013, bãi nhiệm ngày 22 tháng 01 năm 2014)
Ông Bùi Công Toanh	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013)
Ông Nguyễn Tiến Hùng	Ủy viên
Ông Ngô Giang Nam	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 14 tháng 11 năm 2013)
Ông Nguyễn Đình Phước	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2013, bổ nhiệm ngày 14 tháng 01 năm 2014)
Ông Đỗ Quốc Công	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 14 tháng 01 năm 2014)
Ông Vương Duy Tú	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 22 tháng 01 năm 2014)

Ban Giám đốc

Ông Bùi Công Toanh	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013)
Ông Phạm Chu Tứ	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013, miễn nhiệm ngày 22 tháng 01 năm 2014)
Ông Nguyễn Đình Phước	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 22 tháng 01 năm 2014, miễn nhiệm Phó Giám đốc cùng ngày)
Ông Vũ Văn Dẫn	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2013)
Ông Vương Duy Tú	Phó Giám đốc
Ông Phạm Anh Tuấn	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2013)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Đình Phước
Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2014



Số: 932 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày tháng 3 năm 2014, từ trang 04 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

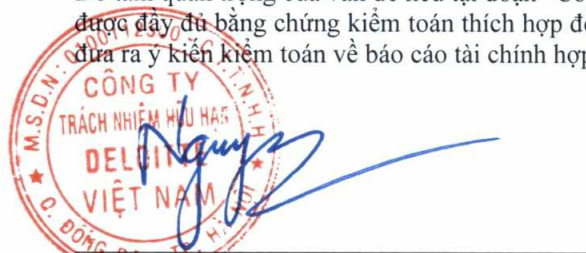
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, công nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền 163.455.759.041 VND và số lỗ lũy kế của Công ty là 265.743.681.041 VND vượt quá vốn điều lệ 115.743.681.041 VND. Đồng thời, các thỏa thuận tài chính của Công ty đã hết hạn và số dư còn lại sẽ phải thanh toán trong năm 2014. Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty đang trong quá trình tái đàm phán nhằm đạt được các thỏa thuận tài chính thay thế. Tuy nhiên, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến việc sử dụng giả định hoạt động liên tục trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, bao gồm các thỏa thuận tài chính được gia hạn, cam kết hỗ trợ tài chính từ Công ty mẹ cũng như các bằng chứng liên quan đến kế hoạch mà Ban Giám đốc đã lập.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Vũ Đức Nguyên
Phó Tổng Giám đốc
Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0764-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 31 tháng 3 năm 2014
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam



Trần Tùng
Kiểm toán viên
Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1941-2013-001-1

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNGTòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MÃ SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		344.964.311.977	511.047.719.922
I. Tiền	110	5	7.561.100.376	6.865.073.712
1. Tiền	111		7.561.100.376	6.865.073.712
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		216.670.349.573	284.533.275.466
1. Phải thu khách hàng	131		87.985.837.408	124.406.434.138
2. Trả trước cho người bán	132		19.235.329.282	19.067.788.666
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	6	119.998.303.772	136.842.352.027
4. Các khoản phải thu khác	135		3.245.926.639	6.653.166.638
5. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(13.795.047.528)	(2.436.466.003)
III. Hàng tồn kho	140	7	100.522.357.070	182.716.680.733
1. Hàng tồn kho	141		133.200.968.429	182.716.680.733
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(32.678.611.359)	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		20.210.504.958	36.932.690.011
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		154.723.968	1.690.039.636
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.044.157.853	14.953.339.812
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		16.011.623.137	20.289.310.563
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+250+260)	200		50.938.791.965	206.284.708.227
I. Tài sản cố định	220		34.686.153.016	160.379.720.457
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	34.435.027.728	155.451.962.496
- Nguyên giá	222		90.296.176.541	215.326.732.751
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(55.861.148.813)	(59.874.770.255)
2. Tài sản cố định vô hình	227		21.176.097	2.277.666.041
- Nguyên giá	228		70.500.000	2.374.524.546
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(49.323.903)	(96.858.505)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		229.949.191	2.650.091.920
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		11.300.000.000	35.526.326.649
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	10	-	24.226.326.649
2. Đầu tư dài hạn khác	258	11	11.300.000.000	11.300.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		4.952.638.949	10.378.661.121
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		4.952.638.949	10.378.661.121
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		395.903.103.942	717.332.428.149

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		508.420.071.018	671.169.323.287
I. Nợ ngắn hạn	310		508.420.071.018	611.540.305.043
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	104.293.921.602	157.906.830.586
2. Phải trả người bán	312		124.342.207.214	172.675.803.200
3. Người mua trả tiền trước	313	13	203.132.533.143	204.269.810.821
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	755.212.025	19.842.079.354
5. Phải trả người lao động	315		849.100.268	783.831.697
6. Chi phí phải trả	316		65.273.067.427	40.202.981.781
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		10.057.061.084	15.999.449.349
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(283.031.745)	(140.481.745)
II. Nợ dài hạn	330		-	59.629.018.244
1. Vay và nợ dài hạn	334	15	-	59.629.018.244
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		(112.516.967.076)	46.163.104.862
I. Vốn chủ sở hữu	410		(112.516.967.076)	46.163.104.862
1. Vốn điều lệ	411	16	150.000.000.000	150.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417	16	1.037.168.132	1.037.168.132
3. Quỹ dự phòng tài chính	418	16	2.189.545.833	2.354.415.829
4. Lỗ lũy kế	420	16	(265.743.681.041)	(107.228.479.099)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		395.903.103.942	717.332.428.149



Vũ Xuân Hải
 Người lập biểu

Ngày 31 tháng 3 năm 2014



Đỗ Thị Thu Hà
 Kế toán trưởng




Nguyễn Đình Phước
 Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2013	2012
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	18	83.538.877.442	200.146.358.637
2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	19	176.158.255.313	224.916.708.841
3. Lỗ gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(92.619.377.871)	(24.770.350.204)
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21		47.803.152	68.526.218
5. Chi phí tài chính	22		16.695.286.752	46.726.780.310
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		15.533.116.187	45.172.236.348
6. Chi phí bán hàng	24		966.537.653	787.295.122
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		34.905.711.938	37.429.332.288
8. Lỗ từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))	30		(145.139.111.062)	(109.645.231.706)
9. Thu nhập khác	31	21	122.678.058.472	968.259.580
10. Chi phí khác	32	21	131.261.923.407	3.477.649.561
11. Lỗ khác (40=31-32)	40		(8.583.864.935)	(2.509.389.981)
12. Lợi nhuận trong công ty liên kết	45		1.907.996.476	2.499.952.747
13. Lỗ kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		(151.814.979.521)	(109.654.668.940)
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	-	-
15. Lỗ sau thuế TNDN (60=50-51)	60		(151.814.979.521)	(109.654.668.940)
16. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	70	23	(10.121)	(7.310)



Vũ Xuân Hải
 Người lập biểu

Ngày 31 tháng 3 năm 2014



Đỗ Thị Thu Hà
 Kế toán trưởng




Nguyễn Đình Phước
 Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MÃ SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2013	2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lỗ trước thuế	01	(151.814.979.521)	(109.654.668.940)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	16.956.112.437	21.328.454.225
- Các khoản dự phòng	03	44.037.192.884	1.267.277.403
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(957.589.548)	(25.185.934)
- Chi phí lãi vay	06	15.533.116.187	45.172.236.348
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(76.246.147.561)	(41.911.886.898)
- Thay đổi các khoản phải thu	09	59.051.037.289	51.557.477.515
- Thay đổi hàng tồn kho	10	51.251.073.857	(33.331.057.954)
- Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả)	11	(27.908.691.153)	53.523.330.846
- Thay đổi chi phí trả trước	12	7.467.259.768	7.024.053.409
- Tiền lãi vay đã trả	13	(2.793.813.812)	(26.926.127.058)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(3.813.174.062)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	974.661.500	3.830.528.039
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.049.866.952)	(4.302.103.965)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	10.745.512.936	5.651.039.872
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(222.000.000)	(12.861.521.243)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	78.239.476.408	-
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	349.500.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia	27	957.589.548	25.185.934
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	78.975.065.956	(12.486.835.309)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	14.174.367.305	116.459.264.808
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(103.198.919.533)	(112.470.684.746)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(89.024.552.228)	3.988.580.062
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	696.026.664	(2.847.215.375)
Tiền đầu năm	60	6.865.073.712	9.712.289.087
Tiền cuối năm (70=50+60)	70	7.561.100.376	6.865.073.712

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định trong năm không bao gồm 33.135.744.008 VND là số tiền được thanh toán thông qua hình thức bù trừ công nợ phải trả.

Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác trong năm không bao gồm 22.800.000.000 VND là số tiền được thanh toán bù trừ với tiền chi trả nợ gốc vay.

Tiền trả lợi nhuận theo hợp đồng hợp tác kinh doanh không bao gồm 6.700.222.421 VND là số tiền được thanh toán thông qua hình thức bù trừ công nợ phải thu.

Vì vậy, các khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu, phải trả và tiền chi trả nợ gốc vay.



Vũ Xuân Hải
Người lập biểu

Ngày 31 tháng 3 năm 2014



Đỗ Thị Thu Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Phước
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 965/QĐ-XLKD ngày 16 tháng 11 năm 2009 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, trên cơ sở chuyển đổi Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp Dầu khí Miền Trung thành công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4300368987 đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 11 năm 2009, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 7 ngày 05 tháng 5 năm 2013.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 150 tỷ VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 229 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 433 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, cầu đường, công trình dân dụng, công nghiệp trong và ngoài ngành dầu khí; xây dựng các công trình thủy lợi; san lấp mặt bằng;
- Đầu tư xây lắp các công trình chuyên ngành dầu khí; xây dựng các công trình đê kè, cầu cảng;
- Sản xuất kinh doanh bê tông thương phẩm, khoan phá đá nổ mìn, khai thác mỏ; sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng; sản xuất các sản phẩm cơ khí, chống ăn mòn kim loại;
- Bảo dưỡng, sửa chữa tàu thuyền và các phương tiện nổi; chế tạo lắp đặt bồn chứa xăng, khí hóa lỏng, chứa nước, bồn chịu áp lực và hệ thống công nghệ;
- Lắp đặt hệ thống máy móc thiết bị công nghệ, thiết bị điều khiển tự động hóa trong các nhà máy công nghiệp; lắp đặt hệ thống đường dây tải điện đến 35 KV và các hệ thống điện dân dụng, công nghiệp; đầu tư kinh doanh bất động sản.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, công nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền 163.455.759.041 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 100.492.585.121 VND) và số lỗ lũy kế của Công ty là 265.743.681.041 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 107.228.479.099 VND). Trong năm, Công ty gặp khó khăn trong quản lý dòng tiền và thanh toán các khoản nợ đến hạn. Các yếu tố này ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào kế hoạch tăng cường thu hồi các khoản công nợ, quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi và tiếp tục thỏa thuận vay cần thiết với các tổ chức tín dụng để đảm bảo dòng tiền đáp ứng nhu cầu trả các khoản nợ đến hạn. Ban Giám đốc Công ty cũng tin tưởng rằng Công ty sẽ tiếp tục nhận được sự hỗ trợ từ Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong các năm tiếp theo để đáp ứng nhu cầu vốn kinh doanh cũng như Công ty sẽ được gia hạn nợ cho các khoản nợ quá hạn với các tổ chức tín dụng và nhận được nguồn thu từ các dự án, công trình lớn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của công ty do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2013
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	5 - 7
Thiết bị quản lý	3 - 7
Tài sản khác	4

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện giá trị còn lại của các khoản chi phí có thể mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các khoản chi phí này được vốn hoá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính nhưng không quá ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có khoản lỗ kế toán lũy kế là 265,74 tỷ VND, khoản lỗ này sẽ được xác định phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế và có thể được dùng để bù trừ với các khoản lợi nhuận chịu thuế của các năm tiếp theo nhưng không quá 05 năm kể từ năm phát sinh. Việc sử dụng các khoản lỗ này phụ thuộc vào lợi nhuận trong tương lai của Công ty. Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào cho khoản lỗ thuần tính thuế này do không chắc chắn về thời điểm thu được lợi nhuận trong tương lai.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***5. TIỀN**

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Tiền mặt	146.121.728	757.924.229
Tiền gửi ngân hàng (i)	7.414.978.648	6.107.149.483
	<u>7.561.100.376</u>	<u>6.865.073.712</u>

(i) Bao gồm số tiền 2.977.939.822 VND tại Ngân hàng TMCP Quân đội được phong tỏa để thu nợ cho khoản vay quá hạn.

6. PHẢI THU THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Công trình Nhà máy điện Vũng Áng Hà Tĩnh	99.703.429.487	99.703.429.487
Công trình Nhà máy đóng tàu Vinashin	19.741.954.541	22.727.272.727
Các công trình khác	552.919.744	14.411.649.813
	<u>119.998.303.772</u>	<u>136.842.352.027</u>

7. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.539.364.629	10.772.536.283
Công cụ, dụng cụ	741.591.344	1.005.051.804
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	128.078.752.682	165.511.591.967
Thành phẩm	2.841.259.774	4.899.744.136
Hàng hóa	-	527.756.543
	<u>133.200.968.429</u>	<u>182.716.680.733</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(32.678.611.359)	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>100.522.357.070</u>	<u>182.716.680.733</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ MIỀN TRUNGTòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tài sản khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2013	64.155.506.275	122.965.683.512	19.021.386.092	1.508.999.380	7.675.157.492	215.326.732.751
Mua sắm mới	-	222.000.000	-	-	-	222.000.000
Phân loại theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	-	(2.059.429.528)	(480.329.428)	(26.636.362)	(37.490.000)	(2.603.885.318)
Thanh lý, nhượng bán (i)	(50.366.158.895)	(64.525.011.257)	(1.284.783.983)	-	(879.675.534)	(117.055.629.669)
Giảm khác	(436.901.366)	(170.469.280)	-	(67.500.000)	-	(674.870.646)
Giảm theo quyết toán	-	(4.598.241.189)	(22.216.017)	-	(297.713.371)	(4.918.170.577)
Tại ngày 31/12/2013	13.352.446.014	51.834.532.258	17.234.056.664	1.414.863.018	6.460.278.587	90.296.176.541
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2013	7.943.728.098	33.558.341.655	13.044.377.086	1.191.122.383	4.137.201.033	59.874.770.255
Khấu hao trong năm	2.966.512.946	10.275.195.467	2.620.432.283	226.603.878	914.902.465	17.003.647.039
Phân loại theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	-	(1.683.882.642)	(399.691.318)	(19.383.081)	(31.519.370)	(2.134.476.411)
Giảm khác	53.257.974	(957.766.476)	(194.174.101)	(27.014.702)	(60.218.407)	(1.185.915.712)
Thanh lý, nhượng bán (i)	(4.424.538.536)	(12.573.555.715)	(266.729.965)	-	(432.052.142)	(17.696.876.358)
Tại ngày 31/12/2013	6.538.960.482	28.618.332.289	14.804.213.985	1.371.328.478	4.528.313.579	55.861.148.813
Giá trị còn lại						
Tại ngày 31/12/2013	6.813.485.532	23.216.199.969	2.429.842.679	43.534.540	1.931.965.008	34.435.027.728
Tại ngày 31/12/2012	56.211.778.177	89.407.341.857	5.977.009.006	317.876.997	3.537.956.459	155.451.962.496

(i) Theo Nghị quyết 5431/NQ-DKVN ngày 16 tháng 9 năm 2013 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Công ty đã chuyển nhượng Nhà máy sản xuất Bao bì Dung Quất (là tài sản góp vốn vào Công ty con của Công ty) cho Công ty TNHH MTV Lọc Hóa dầu Bình Sơn theo Hợp đồng chuyển nhượng nhà máy Bao bì Dung Quất số 743/2013/BSR-PVC- MT ngày 09 tháng 10 năm 2013.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 9.744.949.895 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 10.170.301.958 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh số 15, đến ngày 31 tháng 12 năm 2013, giá trị còn lại của các tài sản cố định được dùng để đảm bảo cho khoản vay là 1.990.204.083 VND.

9. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Khoản đầu tư vào công ty con thể hiện khoản đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Bao bì Dung Quất với giá trị đầu tư là 18.059.685.333 VND. Thông tin về công ty con như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty TNHH Một thành viên Bao bì Dung Quất	Bình Sơn, Quảng Ngãi	100%	100%	Sản xuất bao bì

Theo Quyết định số 74/QĐ-XLDMKT-HĐQT ngày 27 tháng 11 năm 2013, Công ty đã quyết định giải thể Công ty TNHH MTV Bao bì Dung Quất. Tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty TNHH MTV Bao bì Dung Quất vẫn chưa hoàn thành xong các thủ tục giải thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

Trong năm, khoản đầu tư vào công ty liên kết này đã được chuyển nhượng cho Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (nay là Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam) theo Hợp đồng chuyển nhượng số 01/2013-PVFC-PVC-MT ngày 27 tháng 8 năm 2013. Theo đó, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần đang sở hữu tại Công ty Cổ phần Đầu tư Khu Công nghiệp Hòa Cẩm là 2.275.000 cổ phần, cùng với toàn bộ quyền, lợi ích, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty tương ứng với tỷ lệ cổ phần chuyển nhượng theo các thỏa thuận trong hợp đồng chuyển nhượng.

11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Đầu tư dài hạn khác phản ánh khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang. Công ty đã góp vốn bằng tiền là 11,3 tỷ VND ngày 19 tháng 8 năm 2010, tỷ lệ vốn góp của Công ty chiếm 3,77% tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang. Ban Giám đốc đánh giá không cần trích lập khoản dự phòng đầu tư này do đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang vẫn đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng.

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn	96.881.570.910	131.552.623.200
<i>Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (nay là Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam)</i>	48.563.059.336	73.726.475.229
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội</i>	19.374.106.279	28.828.319.922
<i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội</i>	13.244.216.949	13.244.216.949
<i>Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh</i>	15.700.188.346	15.753.611.100
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 15)	7.412.350.692	26.354.207.386
	<u>104.293.921.602</u>	<u>157.906.830.586</u>

Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay từ tổ chức tín dụng và các ngân hàng thương mại, đáo hạn trong vòng 1 năm kể từ ngày rút vốn. Các khoản vay được rút bằng Đồng Việt Nam, được dùng để bổ sung vốn lưu động. Các khoản vay chịu lãi suất từ 13%/năm đến 23%/năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, các khoản vay này đã quá hạn thanh toán và Công ty đang trong quá trình đàm phán với các tổ chức tín dụng để gia hạn thanh toán cho các khoản vay này.

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

Bao gồm chủ yếu khoản nhận ứng trước từ Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam liên quan tới dự án "Thị công khu xử lý nước cấp, hệ thống dẫn nước làm mát" tại công trình Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng với số tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 178.100.680.371 VND (tại 31 tháng 12 năm 2012 là 173.809.450.539 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNGTòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	187.673.507	1.599.250.657
Thuế thu nhập cá nhân	567.538.518	560.619.851
Thuế bảo vệ môi trường (i)	-	17.671.291.956
Thuế tài nguyên	-	10.916.890
	<u>755.212.025</u>	<u>19.842.079.354</u>

(i) Ngày 18 tháng 3 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 30/2013/TT-BTC, hướng dẫn hoàn lại tiền thuế bảo vệ môi trường áp dụng cho một số trường hợp. Theo đó, toàn bộ số thuế bảo vệ môi trường mà đơn vị đã nộp trong năm 2012 sẽ được hoàn, đồng thời, không truy nộp thuế bảo vệ môi trường của năm 2012 đơn vị đã kê khai nhưng chưa nộp. Trong năm, Công ty đã ghi nhận điều chỉnh thuế bảo vệ môi trường phải nộp theo hướng dẫn của Thông tư trên.

15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Vay dài hạn	4.168.870.917	82.739.745.855
<i>Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (nay là Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam)</i>	4.168.870.917	4.500.269.447
<i>Ngân hàng TMCP Đại Dương</i>	-	78.239.476.408
Nợ dài hạn khác	3.243.479.775	3.243.479.775
	<u>7.412.350.692</u>	<u>85.983.225.630</u>

Các khoản vay dài hạn cho mục đích mua sắm máy móc thiết bị với lãi suất 16% từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (nay là Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam) theo Hợp đồng tín dụng số 12/TDH/2009 ngày 29 tháng 12 năm 2009. Theo đó, hạn mức vay là 12,4 tỷ VND, mục đích để thực hiện đầu tư máy móc thiết bị, thời hạn vay tối đa là 60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên, lãi suất theo từng lần rút vốn. Giá trị tài sản thế chấp là 2.699.000.000 VND theo Biên bản định giá 681/BB-TCĐK-CNDN ký ngày 26 tháng 6 năm 2012 giữa Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam và Công ty. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2013, giá trị còn lại của các tài sản này là 1.990.204.083 VND.

Khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch sau:

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	7.412.350.692	26.354.207.386
Trong năm thứ hai	-	16.389.541.834
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	43.239.476.410
Sau năm năm	-	-
	<u>7.412.350.692</u>	<u>85.983.225.630</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	7.412.350.692	26.354.207.386
Số phải trả sau 12 tháng	<u>-</u>	<u>59.629.018.244</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ MIỀN TRUNGTòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn cổ phần**

	Vốn điều lệ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối /(Lỗ lũy kế)
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2012	150.000.000.000	430.000.000	1.100.000.000	5.754.906.759
Lỗ trong năm	-	-	-	(109.654.668.940)
Phân phối lợi nhuận	-	607.168.132	1.254.415.829	(2.906.930.485)
Giảm khác	-	-	-	(421.786.433)
Tại ngày 01/01/2013	150.000.000.000	1.037.168.132	2.354.415.829	(107.228.479.099)
Lỗ trong năm	-	-	-	(151.814.979.521)
Chia lợi nhuận theo hợp đồng liên danh (i)	-	-	-	(6.700.222.421)
Giảm khác	-	-	(164.869.996)	-
Tại ngày 31/12/2013	150.000.000.000	1.037.168.132	2.189.545.833	(265.743.681.041)

(i) Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 19/2013/LD-PVBLD-DQP ngày 01 tháng 7 năm 2013 và Phụ lục số 01 ngày 30 tháng 9 năm 2013 về sản xuất và tiêu thụ bao bì với Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (PVBuilding) cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 7 năm 2013 đến ngày 31 tháng 10 năm 2013. PVBuilding được thụ hưởng toàn bộ lợi nhuận thu được sau khi đã thực hiện đầy đủ tất cả các nghĩa vụ với Nhà nước cho khoảng thời gian thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh này.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 150 tỷ VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

STT	Cổ đông	Số cổ phần (1000 CP)	Tỷ lệ (%)	Giá trị cổ phần (VND)
1	Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	7.650	51	76.500.000.000
2	Các cổ đông khác	7.350	49	73.500.000.000
	Cộng	15.000	100	150.000.000.000

Số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty đang lưu hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 15.000.000 cổ phiếu. Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNGTòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***17. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ cho mục đích quản lý, Công ty tổ chức bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh trên cơ sở các công ty hoạt động tương đối riêng biệt theo ngành nghề kinh doanh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có 02 bộ phận kinh doanh sau:

- Xây dựng và cung cấp vật tư xây dựng: Công ty mẹ
- Sản xuất bao bì: Công ty TNHH Một thành viên Bao bì Dung Quất

Thông tin về hoạt động kinh doanh của từng bộ phận như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013:

Chỉ tiêu	Hoạt động	Sản xuất	Loại trừ	Cộng
	xây dựng	bao bì		
	VND	VND	VND	VND
Tài sản				
Tiền	5.979.985.370	1.581.115.006	-	7.561.100.376
Các khoản phải thu ngắn hạn	215.055.641.271	2.578.028.066	(963.319.764)	216.670.349.573
Hàng tồn kho	100.522.357.070	-	-	100.522.357.070
Tài sản ngắn hạn khác	20.173.577.181	36.927.777	-	20.210.504.958
Tài sản cố định	34.614.971.723	71.181.293	-	34.686.153.016
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	29.359.685.333	-	(18.059.685.333)	11.300.000.000
Tài sản dài hạn khác	4.920.559.672	32.079.277	-	4.952.638.949
Tổng Tài sản hợp nhất	410.626.777.620	4.299.331.419	(19.023.005.097)	395.903.103.942
Nguồn vốn				
Nợ ngắn hạn	508.247.893.199	1.135.497.583	(963.319.764)	508.420.071.018
Vốn chủ sở hữu	(97.621.115.579)	3.163.833.836	(18.059.685.333)	(112.516.967.076)
Tổng Nguồn vốn hợp nhất	410.626.777.620	4.299.331.419	(19.023.005.097)	395.903.103.942

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013:

Chỉ tiêu	Hoạt động	Sản xuất	Loại trừ	Cộng
	xây dựng	bao bì		
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng	14.196.914.956	77.812.313.206	(8.470.350.720)	83.538.877.442
Chi phí kinh doanh	149.820.369.860	71.555.656.743	(9.345.521.699)	212.030.504.904
- Giá vốn hàng bán	117.255.365.964	68.248.411.048	(9.345.521.699)	176.158.255.313
- Chi phí bán hàng	407.507.461	559.030.192	-	966.537.653
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	32.157.496.435	2.748.215.503	-	34.905.711.938
Kết quả kinh doanh bộ phận	(135.623.454.904)	6.256.656.463	875.170.979	(128.491.627.462)
Doanh thu hoạt động tài chính	33.205.881	14.597.271	-	47.803.152
Chi phí hoạt động tài chính	10.426.471.199	6.268.815.553	-	16.695.286.752
Lỗ khác	(7.879.104.545)	170.410.589	(875.170.979)	(8.583.864.935)
Lợi nhuận trong công ty liên kết				1.907.996.476
Lỗ trước thuế				(151.814.979.521)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp				(151.814.979.521)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ MIỀN TRUNGTòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***17. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (Tiếp theo)****Bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý nào khác ngoài Việt Nam.

18. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu hoạt động xây lắp	11.467.963.785	74.433.524.263
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	72.070.913.657	125.712.834.374
	<u>83.538.877.442</u>	<u>200.146.358.637</u>

Công ty hiện đang thực hiện dự án “Thi công khu xử lý nước cấp, hệ thống dẫn nước làm mát” tại công trình Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng. Dự án này được thực hiện theo Hợp đồng số 240/HĐXD/PVC-PVCMT/VA1 ngày 15 tháng 12 năm 2009 và Phụ lục hợp đồng 08 ngày 26 tháng 6 năm 2013 với tổng giá trị là 196.450.725.322 VND ký với Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC). Trong quá trình thi công, theo yêu cầu của PVC, Công ty đã thi công thêm một số các hạng mục khác hoặc thi công các hạng mục có thay đổi so với các điều khoản đã ký trong hợp đồng gốc. Tuy nhiên, khối lượng phát sinh thêm này chưa được hai bên ký thỏa thuận chính thức, mặc dù công việc thi công đã hoàn thành. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2013, tổng khối lượng đã thi công được ước tính khoảng 256.782.138.914 VND (chưa bao gồm thuế GTGT), giá trị này đã được Viện Kinh tế Xây dựng (Bộ Xây dựng) thẩm tra theo Công văn 1196/VKT-TTTV ngày 12 tháng 9 năm 2013.

Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, doanh thu lũy kế của dự án này đã được Công ty ghi nhận là 196.582.138.645 VND. Nếu được PVC phê duyệt khối lượng thi công theo số đã được thẩm định bởi Viện Kinh tế Xây dựng thì doanh thu còn được ghi nhận là 60.200.000.269 VND. Công ty chưa ghi nhận doanh thu và giá vốn tương ứng của dự án này trong năm 2013 do chưa có thỏa thuận chính thức với PVC. Số tiền Công ty đã được thanh toán và tạm ứng để thực hiện hợp đồng và phần việc phát sinh ngoài hợp đồng từ PVC là 289.585.307.384 VND. Doanh thu và giá vốn liên quan tới công trình này sẽ tiếp tục được ghi nhận khi có sự thống nhất giữa Công ty và PVC.

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn hoạt động xây lắp	114.220.970.228	107.943.596.473
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm	61.937.285.085	116.973.112.368
	<u>176.158.255.313</u>	<u>224.916.708.841</u>

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	65.403.145.315	117.945.039.441
Chi phí nhân công	21.621.876.106	38.936.089.943
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.293.605.794	21.328.454.225
Chi phí trả trước dài hạn	6.942.992.881	11.166.267.006
Chi phí thuê ngoài và bằng tiền khác	31.598.949.802	102.579.089.908
	<u>139.860.569.898</u>	<u>291.954.940.523</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNGTòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***21. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	2013	2012
	VND	VND
Thu nhập khác		
Thanh lý tài sản, vật tư (i)	120.448.038.818	272.083.200
Khác	2.230.019.654	696.176.380
	122.678.058.472	968.259.580
Chi phí khác		
Giá trị còn lại của tài sản cố định, vật tư, và các chi phí liên quan (i)	121.243.301.748	290.729.895
Khác	10.018.621.659	3.147.770.047
	131.261.923.407	3.477.649.561

(i) Bao gồm chủ yếu các nghiệp vụ liên quan tới việc chuyển nhượng tài sản là Nhà máy sản xuất Bao bi Dung Quất như trình bày tại Thuyết minh số 8 và 9.

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2013	2012
	VND	VND
Lỗ trước thuế	(151.814.979.521)	(109.654.668.940)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	(2.275.000.000)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	9.930.956.063	103.207.395
Thu nhập chịu thuế	(141.884.023.458)	(111.826.461.545)
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-

23. LỖ CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**Lỗ cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành, được thực hiện như sau:

	2013	2012
	VND	VND
Lỗ kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(151.814.979.521)	(109.654.668.940)
Lỗ để tính lỗ cơ bản trên cổ phiếu	(151.814.979.521)	(109.654.668.940)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.000.000	15.000.000
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	(10.121)	(7.310)

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 12 và 15, trừ đi tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ trừ đi lỗ lũy kế).

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNGTòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Các khoản vay	104.293.921.602	217.535.848.830
Trừ: Tiền	7.561.100.376	6.865.073.712
Nợ thuần	96.732.821.226	210.670.775.118
Vốn chủ sở hữu	<u>(112.516.967.076)</u>	<u>46.163.104.862</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	4,56

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	7.561.100.376	6.865.073.712
Phải thu khách hàng và phải thu khác	197.435.020.291	128.623.134.773
Đầu tư dài hạn	11.300.000.000	11.300.000.000
Tổng cộng	<u>216.296.120.667</u>	<u>146.788.208.485</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	104.293.921.602	217.535.848.830
Phải trả người bán và phải trả khác	134.399.268.298	188.675.252.549
Chi phí phải trả	65.273.067.427	40.202.981.781
Tổng cộng	<u>303.966.257.327</u>	<u>446.414.083.160</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lỗ trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 sẽ tăng/giảm khoảng 5.613 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 4.504 triệu VND).

Rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Như trình bày tại Thuyết minh số 4 về các khoản dự phòng phải thu khó đòi, Công ty có khoản rủi ro tín dụng đến từ một số khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNGTòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)***

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
31/12/2013			
Tiền	7.561.100.376	-	7.561.100.376
Phải thu khách hàng và phải thu khác	197.435.020.291	-	197.435.020.291
Đầu tư dài hạn	-	11.300.000.000	11.300.000.000
Tổng cộng	204.996.120.667	11.300.000.000	216.296.120.667
31/12/2013			
Các khoản vay	104.293.921.602	-	104.293.921.602
Phải trả người bán và phải trả khác	134.399.268.298	-	134.399.268.298
Chi phí phải trả	65.273.067.427	-	65.273.067.427
Tổng cộng	303.966.257.327	-	303.966.257.327
Chênh lệch thanh khoản thuần	(98.970.136.660)	11.300.000.000	(87.670.136.660)
	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
31/12/2012			
Tiền	6.865.073.712	-	6.865.073.712
Phải thu khách hàng và phải thu khác	128.623.134.773	-	128.623.134.773
Đầu tư dài hạn	-	11.300.000.000	11.300.000.000
Tổng cộng	135.488.208.485	11.300.000.000	146.788.208.485
31/12/2012			
Các khoản vay	157.906.830.586	59.629.018.244	217.535.848.830
Phải trả người bán và phải trả khác	188.675.252.549	-	188.675.252.549
Chi phí phải trả	40.202.981.781	-	40.202.981.781
Tổng cộng	386.785.064.916	59.629.018.244	446.414.083.160
Chênh lệch thanh khoản thuần	(251.296.856.431)	(48.329.018.244)	(299.625.874.675)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, số dư tài sản tài chính thấp hơn đáng kể so với công nợ tài chính. Ban Giám đốc đánh giá Công ty có rủi ro thanh khoản và gặp một số khó khăn trong việc quản lý dòng tiền trong năm tới. Ban Giám đốc đã có kế hoạch tài chính cụ thể trong tương lai và đang trong quá trình đàm phán với các tổ chức tín dụng để gia hạn thanh toán cho các khoản nợ đã quá hạn. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào kết quả việc đàm phán cũng như hỗ trợ từ Công ty mẹ và khả năng tạo ra dòng tiền từ hoạt động kinh doanh trong tương lai.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ MIỀN TRUNGTòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ	2013	2012
		VND	VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ của Tập đoàn		
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Chủ sở hữu		
Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	Cùng chủ sở hữu		
Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	Cùng chủ sở hữu		
Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	Công ty liên kết của Chủ sở hữu		
Công ty TNHH MTV Lọc Hoá Dầu Bình Sơn	Trong cùng Tập đoàn		
Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	Trong cùng Tập đoàn		
Tổng Công ty CP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (PETROSETCO)	Trong cùng Tập đoàn		
Ban quản lý dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất	Trong cùng Tập đoàn		
Công ty CP Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	Trong cùng Tập đoàn		
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	Trong cùng Tập đoàn		
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hoá phẩm Dầu khí - CTCP	Trong cùng Tập đoàn		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Quảng Ngãi	Trong cùng Tập đoàn		
Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí Việt Nam - CN Đà Nẵng	Trong cùng Tập đoàn		
Công ty CP Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi - PTSC	Trong cùng Tập đoàn		
Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Trong cùng Tập đoàn		
		2013	2012
		VND	VND
Doanh thu			
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam		-	10.878.966.255
Công ty TNHH MTV Lọc Hoá Dầu Bình Sơn	174.321.343.811	-	-
Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	1.028.389.634	2.292.360.460	-
Tổng Công ty CP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (PETROSETCO)	1.080.686.339	-	-
Ban quản lý dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất	8.743.167.176	13.106.390.885	-
Công ty CP Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	-	1.378.713.637	-
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	(274.341.717)	1.043.466.495	-
Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	6.338.307.285	-	-
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hoá phẩm Dầu khí - CTCP	3.112.812.846	-	-
		2013	2012
		VND	VND
Mua tài sản, hàng hóa, dịch vụ			
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam		-	457.421.220
Công ty CP Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi (PTSC)	199.218.404	-	-
Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	12.459.000	-	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Quảng Ngãi	-	59.162.450	-
Tổng Công ty Tài Chính CP Dầu Khí Việt Nam - CN Đà Nẵng	1.067.811.089	-	-
Ban điều hành Dự án Nhà máy điện Vũng Áng -	110.779.485	-	-
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam		-	-
Công ty TNHH MTV Lọc Hoá Dầu Bình Sơn	35.903.137.375	-	-
Lãi vay			
Lãi tiền vay phải trả Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí (nay là Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam) - CN Đà Nẵng	14.754.490.804	14.958.933.847	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ MIỀN TRUNGTòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong năm:

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
Lương	817.978.386	884.123.541

Số dư chủ yếu với các bên liên quan:

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Phải thu		
Tổng Công ty CP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	-	1.706.478.727
Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	3.769.347.806	-
Công ty CP Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	5.057.733.900	4.928.454.700
Công ty CP Xây lắp Đường ống Dể chứa Dầu khí	1.100.000.000	2.865.049.083
Công ty CP Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi - PTSC	22.061.005.247	26.115.176.072
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam - CTCP	806.710.335	1.390.633.732
Tổng Công ty Dung dịch Khoan và Hoá phẩm Dầu khí - CTCP	1.582.557.025	2.380.573.634
Công ty TNHH MTV Lọc Hoá Dầu Bình Sơn	6.140.062.028	3.060.352.409
Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	4.225.569.977	9.101.969.910
Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam	500.000.000	-
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	113.850.000	-
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	25.859.614.466	27.819.166.781
Phải trả		
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	4.547.977.133	4.547.977.133
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	2.153.347.000	2.153.347.000
Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí Việt Nam (nay là Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam) - CN Đà Nẵng	4.193.330.409	3.116.738.211
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	1.662.377.747
Công ty TNHH MTV Lọc Hoá Dầu Bình Sơn	-	35.317.838.101
Các khoản nhận ứng trước		
Ban điều hành Dự án Nhà máy điện Vũng Áng - Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	178.100.680.371	173.809.450.539
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	11.961.032.899	4.959.160.353
Nợ dài hạn		
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	3.243.479.775	3.243.479.775
Các khoản vay		
Tổng Công ty Tài Chính CP Dầu Khí Việt Nam (nay là Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam) - CN Đà Nẵng		
- Vay ngắn hạn:	48.563.059.336	73.726.475.229
- Vay dài hạn:	4.168.870.917	4.500.269.447

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TANG

Trong năm 2012, khi công trình Tổng kho sản phẩm dầu khí Đà Nẵng đang trong quá trình triển khai thi công thì bất ngờ gặp sự cố. Chủ đầu tư dự án là Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc, nhà thầu chính là Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC), đơn vị thi công phần cọc là Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu Khí (PVC - ME) và đơn vị thi công phần thân và mặt cầu là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC - MT). Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của công trình này đang phản ánh trên khoản mục hàng tồn kho thuộc bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 với số tiền là 16.114.334.727 VND.

Theo Công văn số 0045/KMB-DADT ngày 16 tháng 01 năm 2013 của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc (Chủ đầu tư), nguyên nhân sự cố được xác định là do khách quan. Đến thời điểm lập báo cáo, chưa có quyết định chính thức về phân trách nhiệm của các bên liên quan đến sự cố này.

Vũ Xuân Hải
Người lập biểu

Ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đỗ Thị Thu Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Phước
Giám đốc